TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 243/2022/DS-ST
Ngày: 09/12/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Ông Huỳnh Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 499/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà K, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà K: Anh A, sinh năm 1996, địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, là đại diện theo ủy quyền của bà K (Văn bản ủy quyền ngày 26/9/2022).

- *Bị đơn:*

1. Ông T, sinh năm 1967;

2. Anh N, sinh năm 1989;

3. Bà X (S), sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Anh Khoa, ông T, anh N có mặt, bà X vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn anh A trình bày:

Trước đây vào năm 2021, gia đình bà X, ông T và anh N có vay của bà K số tiền tổng cộng là 190.000.000 đồng lãi suất 2%/1 tháng. Tuy nhiên sau khi vay thì ông T, bà X và anh N không trả tiền vốn và lãi cho bà K như đã thuận.

Đến ngày 25/3/2022, bà K đến nhà bà X để đòi nợ thì chỉ gặp được ông T (chồng bà X) và anh N (con bà X), còn bà X cố tình né tránh nên bà K không gặp được. Lúc này ông T và anh N năn nỉ bà K cho thêm thời gian là 06 tháng để trả nợ và bà K cũng đồng ý.

Để đảm bảo việc trả nợ đúng hẹn ông T và anh N có lập giấy xác nhận nợ và cam kết trong vòng 06 tháng kể từ ngày lập giấy xác nhận là ngày 25/3/2022, hẹn đến 25/9/2022 thì bà ông T, bà X và anh N sẽ trả cho bà K đầy đủ số tiền. 190.000.000 đồng.

Tuy nhiên hiện nay đã đến hạn trả nợ mà ông T, bà X và anh N vẫn chưa trả cho bà K như đã thỏa thuận. Việc ông T, bà X và anh N vi phạm thời gian trả nợ đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà K nên bà K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà X và anh N phải liên đới trả cho bà K số tiền 190.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại Tờ tự khai ngày 15/11/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông T, anh N trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông T, bà X, anh N liên đới trả số tiền 190.000.000 đồng, ông T không đồng ý trả một lần. Vì bà K không có hóa đơn chứng từ, không có hợp đồng vay mượn. Đối với giấy xác nhận gánh nợ ngày 25/3/2022 là sau khi bà X bỏ nhà đi thì ông T, anh N mới lập giấy này theo yêu cầu của bà K. Chữ ký trong giấy xác nhận là của T và N, nhưng thực chất chỉ nhận được 30.000.000 đồng của nguyên đơn bà K để trả nợ thay cho bà X.

Hiện hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn về mặt kinh tế. Bà X đã bỏ nhà đi nên ông T, anh N chỉ đồng ý trả số tiền 190.000.000 đồng bằng hình thức trả dần mỗi tháng trả 5.000.000 đồng đến khi hết nợ, bắt đầu trả vào tháng 01/2023.

Anh Khoa đồng ý cho trả dần theo yêu cầu của ông T, anh N, nhưng trường hợp ông T, bà X và anh N vi phạm 01 kỳ trả nợ thì phải trả ngay số tiền còn lại của số tiền 190.000.000 đồng.

Ông T, anh N đồng ý nếu vi phạm 01 kỳ trả nợ thì phải trả ngay cho bà K số tiền còn lại của số tiền 190.000.000 đồng.

Bà X đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà X đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà X theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét bà K yêu cầu ông T, bà X và anh N liên đới trả số tiền 190.000.000 đồng, thấy rằng:

Tại các giấy biên nhận, giấy có nội dung vay tiền các ngày 06/11/2022; 24/11/2021; 25/3/2022, thể hiện ông T, bà X, anh N vay của bà K số tiền 190.000.000 đồng, ông T, bà X, anh N viết, ký tên, ghi họ tên vào biên nhận và được bà ông T, anh N thừa nhận. Tại phiên tòa, ông T, anh N đồng ý trả cho bà K số tiền 190.000.000 đồng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng đến khi hết nợ, bắt đầu trả vào tháng 01/2023, trường hợp vi phạm 01 kỳ trả nợ thì phải trả ngay số tiền còn lại của số tiền 190.000.000 đồng là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của bà K; bà X không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà K nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Việc ông T, bà X và anh N vay tiền của bà K nhưng khi đến hạn trả nợ mà ông T, bà X và anh N không thực hiện là vi phạm hợp đồng, là có lỗi, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với bên cho vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K.

[3] Về án phí: Ông T, bà X và anh N phải chịu án phí theo quy định của của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 288, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K.

2. Buộc ông T, anh N, bà X (S), phải có nghĩa vụ liên đới trả ngay cho bà K số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng), mỗi tháng trả 5.000.000 đồng đến khi hết nợ, bắt đầu trả vào tháng 01/2023, trường hợp vi

phạm 01 kỳ trả nợ thì ông T, bà X và anh N phải trả ngay cho bà K số tiền còn lại của số tiền 190.000.000 đồng.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà K có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà X, ông T, anh N chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Về án phí:

4.1. Ông T, bà X và anh N phải chịu 9.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Trả lại cho bà K 4.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0016755 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

5. Bà K, ông T và anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bà X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức